TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/DS-ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái

2. Ông Nguyễn Đức Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2016/TLST - DS ngày 01 tháng 11 năm 2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐST - DS ngày 01 tháng 3 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Trụ sở: Tầng 1-7, tòa nhà T, số 72, phố T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Nhà số 60, đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc là đại diện theo ủy quyền lại (Theo các văn bản ủy quyền số 16/2016/UQ-CT ngày 10 tháng 8 năm 2016 và văn bản ủy quyền lại số 166/2016/UQ-GĐK-TDTD ngày 07 tháng 10 năm 2016), (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đỗ Tuấn L, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Dương Thị H, sinh năm 1985 (là vợ anh L).

Nơi cư trú: Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2016 của nguyên đơn và những lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V là bà Lê Thị H trình bày:

Ngày 18 tháng 5 năm 2014, anh Đỗ Tuấn L có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại Cổ phần V – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền tối đa là 45.650.000đồng, trong đó vay để tiêu dùng là 30.000.000đồng. Ngày 22 tháng 5 năm 2014, Ngân hàng đã đồng ý và cho anh L vay tổng số tiền 31.500.000đồng, gồm 30.000.000đồng tiền vay để tiêu dùng và 1.500.000đồng tiền đóng phí bảo hiểm, hình thức vay là vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và anh Đỗ Tuấn L thì lãi suất của khoản vay trên là 55,08%/năm, tức 4,59%/tháng; trả nợ theo phương thức trả chậm trong vòng 19 tháng (19 kỳ trả nợ). Tổng số tiền anh Đỗ Tuấn L phải thanh toán cho Ngân hàng trong vòng 19 tháng bao gồm cả gốc và lãi là 48.846.000đồng, cụ thể trong 18 tháng đầu mỗi tháng anh Đỗ Tuấn L phải trả cho Ngân hàng số tiền 2.521.000đồng, tháng cuối cùng trả 3.468.000đồng, kỳ thanh toán là vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, anh Đỗ Tuấn L đã nhận đủ số tiền vay vào ngày 22 tháng 5 năm 2014. Khi đến kỳ trả nợ, anh Đỗ Tuấn L đã trả cho Ngân hàng được 02 kỳ, vào ngày 10 tháng 7 năm 2014 và ngày 25 tháng 8 năm 2014, tổng số tiền trả đã là 5.042.000đồng, gồm 1.745.985đồng tiền gốc và 3.296.015đồng tiền lãi. Kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2014 đến nay, anh Đỗ Tuấn L không trả cho Ngân hàng thêm bất kỳ khoản nào khác, mặc dù Ngân hàng đã có nhiều biện pháp nhắc nhở.

Theo đơn khởi kiện thì Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Đỗ Tuấn L phải hoàn trả toàn bộ khoản nợ đến hạn tính đến ngày 07 tháng 10 năm 2016 là 43.804.000đồng, trong đó nợ gốc là 29.754.015đồng, nợ lãi là 14.049.985đồng. Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu Tòa án buộc anh Đỗ Tuấn L phải thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 43.804.000đồng theo lãi suất chậm trả do Ngân hàng quy định tính từ ngày Ngân hàng khởi kiện cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc anh Đỗ Tuấn L, chị Dương Thị H phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ là 29.754.015đồng và trả lãi của số tiền còn nợ theo mức lãi suất 13,5%/năm, tức 1,125%tháng (150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định), kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 cho đến ngày Tòa án xét xử ngày 28 tháng 4 năm 2017 là 10.677.971đồng. Tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu bị đơn anh Đỗ Tuấn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị H phải trả cho Ngân hàng là 40.431.984đồng.

Bị đơn là anh Đỗ Tuấn L đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của Ngân hàng cung cấp; các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh L nhưng anh L đều không đến

Tòa làm việc. Vì vậy, Tòa không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Dương Thị H trình bày: Tháng 4 năm 2014 anh Đỗ Tuấn L là chồng chị có làm đơn vay vốn tại Ngân hàng với tổng số tiền vay là 31.500.000đồng. Sau khi anh L nhận số tiền vay thì vợ chồng chị đã sử dụng số tiền trên để mua đồ dùng trong gia đình. Tuy nhiên, do lãi suất cao và vợ chồng chị gặp khó khăn trong kinh tế nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nay vợ chồng chị đồng ý trả số tiền gốc còn nợ nhưng đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng chị được trả dần theo hình thức mỗi tháng trả từ 1.500.000đồng đến 2.000.000đồng cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ gốc, đối với tiền lãi đề nghị Ngân hàng không tính.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng; các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí dân sự sơ thẩm buộc vợ chồng anh Đỗ Tuấn L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần V (viết tắt là Ngân hàng) là Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, được thực hiện các hoạt động trung gian tiền tệ (Kinh doanh ngân hàng, Kinh doanh ngoại tệ và làm dịch vụ Ngân hàng bằng ngoại tệ...) theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày 22 tháng 5 năm 2014 giữa Ngân hàng với anh Đỗ Tuấn L đã ký kết Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20140520-129001-0002 về việc Ngân hàng cho anh L vay số tiền 31.500.000đồng với mục đích tiêu dùng. Do anh L vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh L trả nợ theo thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng ngày 22 tháng 5 năm 2014. Vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" trong lĩnh vực tín dụng.

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng mặc dù bị đơn anh Đỗ Tuấn L đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và đã biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo đơn khởi kiện của Ngân hàng nhưng bị đơn

đã không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, cố tình không lên Tòa làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, hòa giải được. Việc anh L cố tình vắng mặt đồng nghĩa với việc anh đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Đỗ Tuấn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Dương Thị H vẫn cố tình vắng mặt nên Toà tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Quan hệ vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng của Ngân hàng từ năm 2014, do bị đơn vi phạm thỏa thuận trả nợ nên ngày 18 tháng 10 năm 2016 Ngân hàng làm đơn khởi kiện đến Tòa án. Vì vậy, pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án là Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010 và Bộ luật Dân sự năm 2005.

Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa Ngân hàng với anh Đỗ Tuấn L đã ký hợp đồng số 20140520-129001-0002 ngày 22 tháng 5 năm 2014 về việc Ngân hàng cho anh L vay tổng số tiền là 31.500.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 55,08%/năm, tức 4,59%/tháng, thời hạn vay 19 tháng, mục đích vay tiêu dùng, không có tài sản bảo đảm. Quá trình vay nợ anh L đã thanh toán trả cho Ngân hàng được 02 lần với tổng số tiền là 5.042.000đồng, gồm 1.745.985đồng tiền gốc và 3.296.015đồng tiền lãi. Tại lời khai ngày 15 tháng 02 năm 2017 và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu anh Đỗ Tuấn L cùng vợ là chị Dương Thị H trả cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ là 29.754.015đồng và trả lãi của số tiền chưa trả theo mức lãi suất 13,5%/năm, tức 1,125%tháng (150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định), kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 cho đến ngày Tòa án xét xử với số tiền lãi là 10.677.971đồng. Tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả cho Ngân hàng là 40.431.986đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đỗ Tuấn L đã nhận được bản sao đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp cho Tòa án về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc cũng như số tiền lãi theo thỏa thuận; đồng thời cũng nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn không đến Tòa cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, việc bị đơn đã biết nguyên đơn khởi kiện đối với nghĩa vụ của bị đơn theo Hợp đồng ký kết với nguyên đơn cùng bảng thống kê quá trình thanh toán, bảng tính lãi mà nguyên đơn gửi cho bị đơn nhưng bị đơn không có quan điểm, không có ý kiến phản đối là đồng nghĩa với việc bị đơn đã thừa nhận có vay số tiền 31.500.000đồng và có thỏa thuận như hợp đồng số 20140520-129001-0002 ngày 22 tháng 5 năm 2014 mà bị đơn đã ký kết với nguyên đơn. Đồng thời, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị H là vợ của bị đơn đã thừa nhận về việc bị đơn vay số

tiền 31.500.000đồng để mua đồ dùng trong gia đình và cùng có trách nhiệm với bị đơn để trả số tiền vay nhưng đề nghị Ngân hàng cho trả dần mỗi tháng từ 1.500.000đồng đến 2.000.000đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ, về lãi suất thì đề nghị không tính lãi. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định bị đơn đã vay tiền của Ngân hàng, đã được nhận đủ số tiền vay và sử dụng vào mục đích chung trong gia đình.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu xin trả dần và xin được miễn lãi theo quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả luôn số tiền gốc còn nợ và chỉ điều chỉnh giảm lãi suất cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo mức lãi suất 1,125%/tháng của số tiền vay cho đến thời điểm xét xử. Việc điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

Do bị đơn vay tiền để sử dụng mục đích tiêu dùng gia đình, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị H cũng thừa nhận vợ chồng đã sử dụng số tiền vay của Ngân hàng để mua sắm đồ dùng trong gia đình nên cần xác định đây là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, cần buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 29.754.015đồng; số tiền nợ lãi là: 29.754.015đồng x 1,125%/tháng x 31 tháng 27 ngày (tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 đến ngày 28 tháng 4 năm 2017) = 10.677.971đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là: 29.754.015đồng tiền gốc + 10.677.971đồng tiền lãi = 40.431.986đồng.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là quan hệ vợ chồng, mặc dù nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn nhưng đề nghị cả bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn. Căn cứ quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình thì đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng bị đơn nên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án thì đương sự phải chịu án phí sơ thẩm nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận, ngoài ra để bảo đảm cho việc thi hành án nên cần buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 40.431.986đồng x 5% = 2.021.599đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng; Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Buộc anh Đỗ Tuấn L và chị Dương Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền là 40.431.986đồng (Bốn mươi triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 29.754.015đồng (Hai mươi chín triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn không trăm mười lăm đồng) và tiền lãi là 10.677.971đồng (Mười triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi mốt đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu Ngân hàng thương mại cổ phần V có đơn đề nghị thi hành án mà anh Đỗ Tuấn L và chị Dương Thị H chưa trả được số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi với mức lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất 20%/năm của số tiền chưa trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Tuấn L và chị Dương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.021.599đồng (Hai triệu không trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm chín mươi chín đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 1.095.000đồng (Một triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2014/000122 ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử sơ thẩm; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt cũng có quyền được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà